BẢNG GIÁ HÀNG LẠNH

Truy cập website THAK để biết thêm về:
Chương trình Sale - Sản phẩm mới - Lịch về hàng

Đặt hàng tại: Website THAK hoặc inbox Fanpage CHỢ SỈ THAK

SCAN ME!

SCAN ME!

SALE



Vịt CP 1,6~1,7kg
アヒル（ダック）

~~1,205~~ 1,190y/con

SALE



Vịt CP nửa con
アヒル（ダック）

~~660~~ 655y/túi

売り切れ



Đùi vịt (túi ~2kg)
骨付きアヒルモモ

~~1,310~~ 980y/kg

SALE



Tổ ong/ Sách dê
ヤギの胃腸

~~800~~ 660y/kg



Chân gà rút xương túi CK~1kg
骨なし鶏足

930y/kg



Chân gà rút xương túi CK~500g
骨なし鶏足

950y/kg



Chân gà ngắn túi thường ~1kg
鶏ショートモミジ

300y/kg



Chân gà ngắn nguyên thùng
鶏ショートモミジ

250y/kg



Chân gà dài nguyên thùng
鶏モミジ

360y/kg



Chân gà dài túi thường ~1kg
鶏モミジ

430y/kg

THỊT HEO

売り切れ



Thịt vai giòn nguyên thùng
トントロ

850y/kg

売り切れ



Thịt vai giòn túi CK
トントロ

910y/kg

売り切れ



Thịt heo xay 1kg
豚ミンチ

790y/kg

売り切れ



Lòng Già Nguyên Thùng
豚大腸

680y/kg



Lòng Già túi CK
豚大腸

750y/kg

SALE



Bao tử nguyên thùng
豚ガツ

~~530~~ 450y/kg

SALE



Cốt lết không xương nguyên tảng
豚ロース（骨なし）

~~870~~ 840y/kg



Cốt lết không xương cắt lát túi CK
豚ロース（骨なし）スライス

1,010y/kg

SALE



Bao tử túi CK 1~1,5kg
豚ガツ

~~600~~ 480y/kg

THỊT HEO



Dồi trường túi thường ~ 1kg
豚コブクロ

890y/kg



Mông heo không da nguyên tảng
皮なし豚もも肉

760y/kg



Mông heo không da túi CK
皮なし豚もも肉

830y/kg

SALE



Bắp heo có da xương - Nguyên thùng
皮・骨付き豚スネ

~~710~~ 630y/kg

SALE



Bắp heo có da xương cắt khoanh - CK
皮・骨付き豚スネ（スライス）

~~830~~ 710y/kg

SALE



Bắp heo có da xương cắt khoanh
皮・骨付き豚スネ（スライス）

~~800~~ 680y/kg



Bắp heo RÚT XƯƠNG túi CK
皮付き豚スネ（骨なし）

900y/kg



Xương ống heo nguyên thùng
豚骨（カット）

345y/kg



Xương ống heo túi thường ~1kg
豚骨（カット）

375y/kg

THỊT HEO



Ba chỉ da nguyên tảng
皮付き豚バラ（骨なし）

1,050y/kg

Ba chỉ da gia công:
- Cắt sẵn, chưa đóng túi: 1,065y/kg
- Túi thường ~1kg: 1,070y/kg
- Túi chân không ~1kg: 1,088y/kg
- Chọn nạc túi thường: 1,135y/kg
- Chọn nạc chân không: 1,148y/kg

Ba chỉ không da gia công:
- Cắt sẵn, chưa đóng túi: 1,000y/kg
- Túi thường ~1kg: 1,010y/kg
- Túi chân không ~1kg: 1,030y/kg

売り切れ



Ba chỉ không da nguyên tảng
豚バラ（皮・骨抜き）

~~1,040~~ **960y/kg**



Sườn già nguyên miếng
豚スペアリブ

890y/kg

Sườn già gia công:
- Cắt ngang, không túi: 910y/kg
- Cắt ngang, túi thường: 920y/kg
- Cắt ngang, túi CK: 930y/kg
- Cắt nhỏ, không túi: 915y/kg
- Cắt nhỏ, túi thường: 925y/kg
- Cắt nhỏ, túi CK: 935y/kg

Sườn non gia công:
- Cắt ngang không túi: 768y/kg
- Cắt ngang túi thường: 798y/kg
- Cắt ngang túi CK: 818y/kg



Sườn non nguyên thùng
豚軟骨

708y/kg



Móng heo nguyên cái nguyên thùng
豚足

295y/kg

Móng heo nguyên cái gia công:
- Túi thường ~1kg: 315y/kg
- Túi chân không ~1kg: 335y/kg
- Bổ dọc: 345y/kg

Móng heo cắt khoanh gia công:
- Túi thường ~1kg: 365y/kg
- Túi chân không ~1kg: 375y/kg
- Móng cắt khoanh, bỏ cùi, túi chân không ~1kg: 395y/kg



Móng heo cắt khoanh chưa đóng túi
豚足（輪切）

350y/kg

THỊT HEO



Móng heo cắt nhỏ chưa đóng túi
豚足（六分カット）

375y/kg

Móng heo cắt nhỏ gia công:
- Túi thường ~1kg: 390y/kg
- Túi chân không ~1kg: 400y/kg

Đuôi heo gia công:
- Cắt chưa đóng túi: 630y/kg
- Cắt đóng túi thường: 650y/kg
- Cắt đóng túi CK: 670y/kg

売り切れ



Đuôi heo nguyên thùng
豚テール

600y/kg



Mỡ heo túi thường ~1kg
豚脂肪

460y/kg



Mỡ heo nguyên thùng
豚脂肪

410y/kg

売り切れ



Tim heo nguyên thùng
豚ハツ

429y/kg

売り切れ



Cuống họng nguyên thùng
豚ノド

389y/kg

売り切れ



Cuống họng túi CK ~ 1kg
豚ノド

459y/kg

売り切れ



Tim heo túi CK ~1kg
豚ハツ

499y/kg

THỊT HEO



Gan heo túi CK ~1kg
豚レバー
390y/kg



Gan heo nguyên thùng
豚レバー
320y/kg

売り切れ

SALE



Lòng non sạch cuống túi thường
脂肪抜き豚小腸
~~660~~ 620y/kg



Da heo loại A nguyên thùng
豚皮
500y/kg



Da heo loại A túi CK ~ 1kg
豚足（六分カット）
570y/kg

売り切れ



Diềm heo nguyên thùng
豚ハラミ
830y/kg



Diềm heo túi CK ~1kg
豚ハラミ
900y/kg



Lưỡi heo nguyên thùng
豚タン
808y/kg



Lưỡi heo túi CK ~1kg
豚タン
878y/kg



Tai heo túi CK ~1kg
豚ミミ
490y/kg



Tai heo nguyên thùng
豚ミミ
430y/kg

THỊT BÒ

売り切れ



Xương ống bò chưa cắt
牛骨

400y/kg

売り切れ



Xương ống bò cắt sẵn
牛骨（カット）

440y/kg

売り切れ



Xương ống bò cắt sẵn túi thường ~1kg
牛骨（カット）

540y/kg



Gân bò có thịt túi 1kg
肉付き牛すじ

990y/kg

SALE



Gân mỡ bắp bò - CK ~1kg
牛すね肉のスジと脂

~~450~~ 400y/kg



Set Lòng Bò - Túi CK
牛もつ

950y/kg

売り切れ



Gân bò trắng - Túi CK ~1kg
牛アキレス

1,040y/kg

売り切れ



Gân bò trắng nguyên thùng
牛アキレス

980y/kg



Gân Vai Bò Wagyu nguyên thùng
国産黒毛和牛のオニスジ

890y/kg



Gân Vai Bò Wagyu túi CK
国産黒毛和牛のオニスジ

950y/kg

THỊT BÒ – DÊ



Đùi Dê nguyên thùng
ヤギモモ

1,680y/kg



Nạm gầu bò túi CK ~ 1kg
クロッド

2,050y/kg



Nạm gầu bò nguyên tảng
クロッド

1,980y/kg



Tổ ong bò đen
牛ハチノス（黒）

790y/kg



Bắp bò - Nguyên Bắp ~ 2kg
シャンクミート

1,850y/kg



Bắp bò - Túi CK ~ 1kg
牛スネ

1,910y/kg

SALE



Tim bò nguyên thùng
牛ハツ（ぎゅうハツ）

~~890~~ 820y/kg



Tim bò - Túi CK ~1kg
牛ハツ（ぎゅうハツ）

980y/kg

SALE



Ba chỉ bò - Túi CK
牛バラ

~~1,060~~ 960y/kg

THỊT GÀ



Gà dai loại ngon ~ 1kg
Kiện 26 con
445y/con



Gà dai loại ngon ~ 1,2kg
Kiện 20 con
556y/con

売り切れ



Gà dai loại ngon ~ 1,4kg
Kiện 16 con
658y/con



Gà dai loại ngon cắt sẵn
nguyên con (~1kg/con)
545y/túi



Gà dai loại ngon cắt sẵn
nữa con (~1kg/con)
515y/túi



Gà dai loại ngon cắt sẵn
nguyên con (~1.2kg/con)
656y/túi



Gà dai loại ngon cắt sẵn
nữa con (~1.2kg/con)
626y/túi

売り切れ



Gà dai loại ngon cắt sẵn
nguyên con (~1.4kg/con)
758y/túi

売り切れ



Gà dai loại ngon cắt sẵn
nữa con (~1.4kg/con)
728y/túi

THỊT GÀ – THỦY SẢN

売り切れ



Gà chân đen Nagoya Cochin
Kiện 18 con

1,335y/con



Đùi gà có xương nguyên thùng
鶏モモ

650y/kg



Cánh gà nguyên thùng
鶏手羽

795y/kg



Đùi Gà KHÔNG xương
鶏もも肉

620y/kg

SALE



Cá lóc làm sạch nguyên con (có đầu)
ライギョ魚

~~860~~ 398y/kg

SALE



Cá thu phi lê đóng khay
さわらフィレー

~~2,510~~ 1,500y/kg



Cá ba sa cắt khúc 500g/khay
バサ魚 カット

640y/kg

売り切れ



Ớt tươi đông lạnh 250g/túi

~~850~~ 750y/kg

売り切れ



Ớt đỏ đông lạnh 500g/túi

~~850~~ 750y/kg

売り切れ



Ớt Xanh đông lạnh 500g/túi

~~850~~ 750y/kg

SALE

KHẾ NGỌT



Khế Ngọt
甘いスターフルーツ
1個口：8kg

~~1,100~~ **980円(税込)/kg**







TRÁI ỔI

Trái Ổi
グアバ
1個口：10kg

1,600円(税込)/kg







SALE

CÓC TƯƠI



Trái Cóc tươi
日本産タヒチモンビン

1個口：10kg

~~1,550~~ **1,390円(税込)/kg**







THANH LONG BÚP SEN (TÍM)

Thanh Long Búp Sen (Tím)
沖縄産ドラゴンフルーツ

1個口：10Kg - 20Kg

980円(税込)/kg











SẦU RIÊNG



SẦU RIÊNG MUSANG KING
猫山王

Trái ~2kg: 13,500円(税込)

Trái ~1,5kg: 10,580円(税込)

Kiện 10kg (5–6 trái): 53,980円(税込)







PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG ĐỦ KIỆN

Quý khách mua đủ kiện hoặc ghép đủ kiện sẽ được áp dụng bao ship/miễn ship theo quy như sau:

Vùng/Tỉnh	Phí ship/kiện	
	Hàng thường	Đông/mát
Vùng Chubu Niigata,Toyama, Ishikawa, Fukui, Yamanashi, Nagano, Gifu, Shizuoka, Aichi	Miễn phí	Miễn phí
Vùng Kansai Mie, Shiga, Kyoto, Osaka, Hyogo, Nara, Wakayama		
Vùng Kanto Ibaraki, Tochigi, Gunma, Saitama, Chiba, Tokyo, Kanagawa		
Vùng Chugoku Tottori, Shimane, Okayama, Hiroshima, Yamaguchi	Miễn phí	Phụ ship: 230円
Vùng Shikoku Tokushima,Kagawa, Ehime, Kochi		
Vùng Tohoku (1): Miyagi, Yamagata,Fukushima		
Vùng Tohoku (2): Aomori, Iwate, Akita	Miễn phí	Phụ ship: 380円
Vùng Kyushu (1): Kumamoto,Miyazaki, Kagoshima		
Vùng Kyushu (2): Fukuoka,Saga,Nagasaki, Oita	Miễn phí	Phụ ship: 345円
Hokkaido	Phụ ship: 500円	Phụ ship: 1,500円

PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG KHÔNG ĐỦ KIỆN

Vùng/Tỉnh	Phí ship/kiện	
	Hàng thường	Đông/mát
Hokkaido	2,000円	3,500円
Các tỉnh còn lại (trừ Okinawa)	1,500円	2,500円

HÌNH THỨC THANH TOÁN: Thánh toán bằng 1 trong 2 hình thức sau:

1. Thanh toán khi nhận hàng (Daibiki)

Tổng tiền thu hộ/Daibiki	Mức Phí
< 10,000	330
< 30,000	440
< 100,000	660
< 300,000	1,100
≥ 300,000	Chỉ chấp nhận thanh toán chuyển khoản

2. Chuyển khoản trước vào tài khoản sau:

静岡銀行（Shizuoka）
浜松営業支店（Hamamatsu）
普通：1678352　ティーエイチエーケー（カ）

条件付き購入時の送料

条件を満たす場合、または条件を満たすように同梱された場合は、以下の規定に従って送料無料または送料割引が適用されます。

エリア	配送料／箱	
	常温	冷蔵・冷凍
中部地方 新潟・富山・石川・福井・山梨・長野・岐阜・静岡・愛知	送料無料	送料無料
関西地方 三重・滋賀・京 都・ 大阪・ 兵庫・奈 良・和 歌山		
関東地方 茨城・栃木・群 馬・ 埼玉・ 千葉・東 京・神 奈川		
中国地方 鳥取・島根・岡山・広島・山口	送料無料	追加送料: 230円
四国地方 徳島・香川・愛媛・高知		
東北地方（1）: 宮城・山形・福島		
東北地方（2）: 青森・岩手・秋田	送料無料	追加送料: 380円
九州地方（1）: 熊本・宮崎・鹿児島		
九州地方（2）: 福岡・佐賀・長崎・大分	送料無料	追加送料: 345円
北海道	追加送料: 500円	追加送料: 1,500円

条件付き購入時の送料

エリア	配送料／箱	
	常温	冷蔵・冷凍
北海道	2,000円	3,500円
その他の地域（沖縄を除く）	1,500円	2,500円

お支払い方法：以下の2つの方法のいずれかでお支払いください。

1. 代金引換（daibiki）の場合、代引き手数料は以下の通りです。

代引金額（daibiki）	手数料
< 10,000	330
< 30,000	440
< 100,000	660
< 300,000	1,100
≥ 300,000	銀行振込前払いのみ対応

2. 下記の口座に前払いでお振込みください。

静岡銀行（Shizuoka）
浜松営業支店（Hamamatsu）
普通：1678352　ティーエイチエーケー（カ）